

TOÁT YẾU (§§347-359)

-----o0o-----

B

VIỆC HIỆN THỰC HÓA CỦA TỰ-Ý THỨC-LÝ TÍNH THÔNG QUA [HOẠT ĐỘNG CỦA] CHÍNH BẢN THÂN MÌNH

347. ý nghĩa đúng thật của việc tự-nhận thức của Tự-ý thức trong sự vật được quan sát bên ngoài chính là việc tự-nhận thức trong **Tự-ý thức khác**. Tự-ý thức khác, tuy chỉ là một sự nhân đôi của chính mình, mang hình thức bề ngoài, tách rời của sự vật “ở bên ngoài”. Tự-ý thức **xác tín** rằng đối tượng độc lập tự chủ này không xa lạ với chính mình. Sự **xác tín** còn ở cấp độ tự-mình này bây giờ được nâng lên thành **sự thật** (chân lý) minh nhiên, cho-mình.
348. Lý tính-quan sát đã phạm trừ hóa sự vật được quan sát theo các phương cách tương ứng với sự phát triển của chính nó từ sự xác tín cảm tính (quan sát giới Tự nhiên vô cơ), thông qua tri giác (giới Tự nhiên hữu cơ) đến giác tính (các quy luật của tư duy, của Tâm lý học, Khoa tương mặt và Khoa tương sọ). Có nghĩa là, nó đã đi từ sự mô tả, rồi thông qua sự phân loại tiến đến sự giải thích bằng quy luật. Bây giờ, Lý tính phải tái diễn ở cấp độ mới sự phát triển tiếp tục của nó từ sự tự-khẳng định có tính cá nhân chủ nghĩa tiến đến Tự-ý thức đạo đức (xã hội) hợp nhất mọi Tự-ý thức.
349. Giai đoạn mà Tự-ý thức hiện nay đang hướng đến, về bản chất, là giai đoạn đạo đức (xã hội), được ngự trị bởi những quy luật bất thành văn và những tập tục xã hội, một khuôn khổ trong đó cá nhân sống và hoạt động và nó không nghĩ tới việc tự tách mình ra khỏi khuôn khổ ấy.
350. Những thành viên của một cộng đồng xã hội có tổ chức (“quốc gia-dân tộc”/”Volk”) không chỉ thấy mình giống với những thành viên khác từ một “bản thể đạo đức” phổ biến, duy nhất mà còn ít nhiều có ý thức về tính chất thành viên chung của mình, về việc phải hy sinh tính cá biệt của mình cho cái chung, bởi cái chung cũng chính là việc làm và sự nghiệp chung của tất cả do mỗi người tạo ra.
351. Trong cộng đồng xã hội, cá nhân làm việc cho chính mình theo những phương cách được mọi người áp dụng và chấp thuận; thực hiện những công việc cho người khác cũng như cho chính mình. Những nỗ lực có tính

độc lập nhất của cá nhân cũng nhận được sự chấp thuận và ủng hộ nơi người khác và cá nhân trải nghiệm tính tương hỗ trọn vẹn trong quan hệ giữa mình với mọi người khác.

352. *Những tập tục của xã hội vừa có tính tối tăm, lạ lẫm của vật tính (sự vật bên ngoài), vừa có tính sáng tỏ của Tự-ý thức. Cá nhân thực hiện chính mình một cách hoàn hảo khi trở thành kẻ hiện thân hoàn hảo những tập tục xã hội của cộng đồng.*
353. *Tuy nhiên, **sống** như là cá nhân đơn thuần trong cộng đồng xã hội **không** có nghĩa là có ý thức **minh nhiên** về sự thống nhất hay đồng nhất của mình với cộng đồng ấy. Đang ở trong tình trạng hạnh phúc một cách trực tiếp, xem nó như cái gì có sẵn và chưa đi ra khỏi tình trạng ấy cũng đồng nghĩa với việc chưa thực sự đạt được hạnh phúc ấy.*
354. *Tính trực tiếp [tồn tại đơn thuần] của đời sống đạo đức chưa có khả năng phê phán đối với những lễ luật và tập quán đã được thiết lập. Tính trực tiếp ấy càng chưa có **ý thức** về mặt hạn chế của chúng, xem chúng là có vị thế tuyệt đối. Lý tính phải rời bỏ và ra khỏi tình trạng này.*
355. *Khi tính cá nhân tự giác nảy sinh, sợi dây tin cậy nối liền nó với tính nhất thể của cộng đồng xã hội bị phá vỡ. Cá nhân đặt mình vào thế đối lập với những lễ luật và tập tục xã hội.*
356. *Cá nhân tự giác, khi quay lưng lại với môi trường xã hội, tìm cách tạo dấu ấn của mình trong thế giới thông qua những nỗ lực thực tiễn của mình. Cá nhân tìm cách thực hiện mong muốn của mình, lao vào cuộc đời để mưu cầu hạnh phúc của riêng mình.*
357. *Sự thực hiện mà cá nhân theo đuổi trong giai đoạn này là sự thực hiện ý chí riêng, trực tiếp và các động lực tự nhiên của riêng mình chứ không phải vì phúc lợi chung của xã hội. Việc theo đuổi sự thỏa mãn có tính cá nhân chủ nghĩa này có thể **đi trước** hoặc **theo sau** sự phát triển đầy đủ của ý thức đạo đức. Trong trường hợp trước, các động lực thô mẫn buộc phải phục tùng đời sống đạo đức của những lễ luật và tập tục; trong trường hợp sau, có một sự từ bỏ có ý thức cuộc sống chạy theo các động lực đơn thuần và tiến tới chấp nhận trật tự đạo đức (xã hội) tương ứng với cảm thức nội tâm về **luân lý (Moralität)** nơi bản thân cá nhân. Vì lẽ chủ nghĩa cá nhân trong thời đại chúng ta thuộc về loại sau, nên dưới đây ta sẽ tập trung xem xét về các biểu hiện của nó.*
358. *Tự-ý thức – đã được nâng lên thành Khái niệm về Tinh thần – nay tìm cách hiện thực hóa chính mình trong Tinh thần hay nhân cách của **cá nhân**.*
359. *Tự-ý thức, – đã quyết tâm tự-hiện thực hóa chính mình với tư cách cá nhân – tất yếu phủ định việc tự-hiện thực hóa của những cá nhân khác và tìm cách phủ định mọi mục đích ngoại trừ mục đích của riêng mình. Việc tự-*

hiện thực hóa một cách phổ biến trên cơ sở cá nhân này sẽ mang **ba** hình thức: a) theo đuổi **khoái lạc** một cách phóng nhiệm; b) đi theo quy luật của **“trái tim”** mình; và c) tôn thờ **“đức hạnh”**. Cả ba sẽ dẫn đến thái độ “toàn tâm toàn ý” đối với **“bản thân Sự việc”**, tức với ý đồ được hiểu như “trách vụ” của mình, bất chấp thành bại. Sau đây sẽ lần lượt xem xét các hình thức ấy.

TOÁT YẾU (§§360-366)

-----o0o-----

a

KHOÁI LẠC VÀ TẮT YẾU

360. Tự-ý thức nhìn sự vật đang hiện hữu khách quan đối diện với mình như là chính mình một cách mặc nhiên. Nó tìm cách biến cái mặc nhiên, tự-mình ấy thành cái mình nhiên, cho-mình và mang lại hình thái mới cho sự vật khách quan để **thỏa mãn** cái tự ngã cá nhân của mình. Mọi mục tiêu cao xa về tri thức, khoa học, của lễ luật và tập tục của đời sống đạo đức đều bị nó coi khinh và gạt bỏ sang một bên.
361. Tự-ý thức biểu hiện tính cá nhân của mình trong việc vô chup những lạc thú trực tiếp, sống động hơn là ra sức sáng tạo nên những lạc thú ấy cho chính mình. Nó không cần dùng đến bất kỳ quy luật và nguyên tắc phổ biến nào cả.
362. Nó không tìm cách cải biến đối tượng đang hiện hữu một cách thực tiễn mà chỉ thưởng thức, thụ hưởng vẻ ngoài của đối tượng. Sự hưởng thụ của nó tập trung chủ yếu nơi Tự-ý thức khác, tức nơi hiện thân những quy luật và những phạm trù lý tính, nhưng nó lại không đối xử với Tự-ý thức khác với tư cách ấy mà chỉ cho sự thỏa mãn khoái lạc của riêng mình, qua đó **phá hủy** tính cách lý tính của Tự-ý thức.
363. Sự thỏa mãn khoái lạc của riêng mình trên người khác về bản chất là **tự-hủy**. Khi không đếm xỉa đến các phạm trù lý tính vốn là những gì thiết yếu, bản chất tạo nên nhân cách thì cũng không còn có gì để cố kết người khác thành một nhân cách cá biệt. Vì thế, một sự **tắt yếu** mù quáng sẽ thúc đẩy con người luôn phải đi tìm những đối tượng mới trong một chuỗi dài vô tận của cảm giác thất bại, nản lòng. Sự tắt yếu này không gì khác hơn là biểu hiện của sự trống rỗng, trần trụi của cái gì đơn thuần cá nhân.
364. Do đó, việc theo đuổi sự thỏa mãn cá nhân là bước quá độ từ cực đoan này sang cực đoan khác: từ chủ nghĩa cá nhân đơn thuần, trần trụi sang một thứ chủ nghĩa “phổ biến” tắt yếu tuyệt đối, trong đó mọi tính cá nhân đều bị tan vỡ.

365. Bây giờ, những gì được cá nhân theo đuổi sẽ mang hình thức của một cái tất yếu, một quy luật mà cá nhân không thể hiểu thấu, trái lại phải phục tùng vô điều kiện.
366. Tuy nhiên, phục tùng một quy luật cũng có nghĩa là cởi bỏ tính chất xa lạ của nó. Quy luật sẽ trở thành quy luật của **riêng** cá nhân, được gọi là “**quy luật của trái tim**”, một hình thái mới của ý thức.

TOÁT YẾU (§§367-380)

-----o0o-----

b

QUY LUẬT CỦA “TRÁI TIM” VÀ SỰ ĐIỀN RỖ CỦA VIỆC TỰ PHỤ

367. Sự thỏa mãn của cá nhân – được nhìn trong hình thức của một quy luật – trở thành quy luật của bản thân “trái tim” của cá nhân.
368. Cá nhân phải kiểm nghiệm xem bản chất đúng thực của mình có nằm ở trong một quy luật của trái tim như thế không.
369. Quy luật của trái tim tất yếu tự đối lập lại với quy luật của thế giới hiện thực, tức với quy luật đang thống trị và áp bức từng cá nhân cũng như cả nhân loại. Đối với cá nhân [đang bàn], quy luật hiện hành của thế giới là cái gì hiện thực và có sẵn đó; trong khi đối với **ta**, nhà hiện tượng học, ta thấy rằng quy luật ấy không gì khác hơn là sản phẩm đã được tạo ra cũng bởi chính quy luật của trái tim.
370. Cá nhân – tuân theo quy luật của trái tim mình và chưa được đào luyện bằng **kỷ luật** – tất yếu thấy rằng quy luật của trái tim mình sẽ làm hài lòng tất cả mọi người; và thấy bản thân mình thật là cao cả khi mang lại an lạc cho nhân loại.
371. Đối với cá nhân ấy, nhân loại bị áp bức hình như chưa có ý thức rằng mình đang bị áp bức bởi các quy luật và định chế đang thống trị cũng như không biết được tính cao thượng khi **vượt qua** chúng. Cần phải đánh đổ sự tuân phục và tôn trọng này đối với quyền uy ngoại tại. Giữa quyền uy thống trị và trái tim hiếm khi nhất trí với nhau, và nếu có, chỉ là đơn thuần ngẫu nhiên thôi.
372. Thế nhưng, **trong chừng mực quy luật của trái tim trở thành trật tự thống trị hiện thực**, cá nhân nhất định sẽ không tìm thấy sự hài lòng và thỏa mãn trong đó. Trật tự ấy không còn là quy luật của trái tim mình nữa mà trở thành thế lực xa lạ, thậm chí thù địch với chính mình khiến trái tim phải nổi loạn, chống lại. Vì thế, thực hiện quy luật của trái tim cũng là trải nghiệm sự thất bại, nản lòng.
373. Những gì cá nhân chọn lựa để làm, thì thông qua sự lựa chọn ấy, đều muốn phù hợp với quy luật của trái tim mình. Nhưng không phải trái tim của bất kỳ cá nhân nào cũng đồng tình với đường lối được lựa chọn ấy.

Những cá nhân khác sẽ lên án mệnh lệnh chủ quan của trái tim cá nhân này và, do đó, trở nên đáng ghê tởm trước mắt “nhà độc tài”.

374. Cá nhân đã biến các mệnh lệnh chủ quan của trái tim mình thành quy luật cho tất cả mọi người đi đến chỗ nhận ra rằng quy luật hiện thực cho tất cả mọi người không phải là cái gì xa lạ và chết cứng mà là quy luật đích thực cho **mọi** trái tim, cho dù, với tư cách cá nhân, cá nhân ấy đã thất bại trong việc thực hiện nó.
375. Vì thế, cá nhân – tuân theo quy luật của trái tim – trở thành **một sự mâu thuẫn sống**: nó vừa thừa nhận một trật tự có giá trị phổ biến, vừa – với tư cách một cá nhân – không hề mong muốn thừa nhận trật tự ấy.
376. Bị phân đôi như thế giữa một bên là sự thừa nhận một quy luật được thiết lập một cách phổ biến và bên kia là quy luật được lựa chọn bởi trái tim mình, cá nhân đã bị **tự-tha hóa** hay “**quần trí** ngay trong chỗ sâu thẳm nhất của mình” vì cả hai phương diện mâu thuẫn nhau này đều được ý thức xem một cách trực tiếp như là bản chất của mình.
377. Trái tim bị phân đôi như thế điên cuồng phấn nộ chống lại bọn giáo sĩ và bọn bạo chúa đã áp đặt những quy luật xa lạ của chúng lên trên nhân loại. Nhưng, vì lẽ chính bản thân trái tim cũng muốn chính mình trở thành một tên giáo sĩ và bạo chúa như thế, nên nó đi đến chỗ thấy bản thân mình “là cái bị đảo điên và cũng là cái gây nên đảo điên” không khác gì bọn trên kia.
378. Cá nhân đi đến chỗ thấy rằng bản thân một quy luật phổ biến sẽ bị đảo điên nếu nó đơn thuần được xem như là quy luật của mọi **trái tim**, như là cái gì thỏa mãn tính cá nhân tự-kỷ của mỗi người.
379. Một quy luật cho mọi trái tim tất yếu trở thành một quy luật mà mọi cá nhân đều chống lại: **dòng đời** [diễn trình của thế giới/Weltlauf hay trật tự công cộng/öffentliche Ordnung] là cái gì không bao giờ đạt được một hình thức ổn định, được nhất trí.
380. Lý tưởng về một con đường được cố định hóa, được mọi người nhất trí tất yếu tự đối lập với con đường đầy giao động của đời sống: lý tưởng của **đức hạnh** đối lập lại với **dòng đời** như sẽ được xem xét sau đây.

TOÁT YẾU (§§381-393) VÀ CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (7.4: §§347-393)

-----o0o-----

c

ĐỨC HẠNH VÀ DÒNG ĐỜI

TOÁT YẾU

381. Đức hạnh cũng như dòng đời, cả hai đều là một sự thỏa hiệp giữa tính phổ biến **trống rỗng** [hiểu như là tính phổ biến “**vô tư**”, không vị kỷ] và tính cá nhân. Chỉ có điều, trong đức hạnh, tính cá nhân hy sinh chính mình cho những tiêu chuẩn do chính bản thân mình lập nên; còn trong dòng đời, tính phổ biến trống rỗng, “vô tư” được thực hiện thông qua sự tương tác và sự tiêu hao của những cá nhân.
382. Dòng đời là trật tự vô tư thoát thai từ những hành động vị kỷ của vô số cá nhân. Từ một cách nhìn mang tính phổ biến trống rỗng, đức hạnh lên án dòng đời nhưng thực ra lại tìm cách bao bọc, định hướng cho nó. Tuy nhiên, dòng đời không trôi giạt mù quáng mà là cái gì ý thức có thể hiểu và chấp nhận được, cho dù nó thoát thai từ sự tự khẳng định ngông cuồng của những cá nhân (ám chỉ các nguyên tắc của nền kinh tế tự do “**laissez-faire**” và mở rộng chúng trên toàn bộ hoạt động của con người trong xã hội).
383. Đức hạnh ra sức đảo ngược dòng đời, nhưng cuộc đấu tranh giữa đức hạnh và dòng đời sẽ được giải quyết từ bản tính tự nhiên của những vũ khí **sống** được các chiến binh của hai phía mang theo mình.
384. Đức hạnh xem là mục đích trực tiếp của mình những gì dòng đời đạt được bằng cách gián tiếp. Mục đích của đức hạnh là một sự trừu tượng nghèo nàn từ những gì dòng đời đã đạt được một cách hiện thực.
385. Những vũ khí **sống** nói ở §383 chính là những năng khiếu, những năng lực và những sức mạnh trong con người (cái “**tồn tại-tự mình**”). Theo cách nhìn của đức hạnh, chúng có thể được sử dụng một cách đúng đắn và cao thượng, nhưng sở dĩ bị lạm dụng và đảo điên là do dòng đời.
386. Nhưng, những năng khiếu, năng lực... này chính là nội dung mang tính **bản thể**, còn đức hạnh và tội lỗi là sự thêm thắt **không có tính bản thể** vào cho nội dung ấy. Người ta không thể biến tội lỗi, đổi bại thành đức hạnh mà

không làm tổn thương đến nội dung ấy. Cho nên toàn bộ cuộc đấu tranh giữa đức hạnh và tội lỗi (nơi dòng đời) trở thành một màn đánh cuộc.

387. Dòng đời – vốn không có lý tưởng thiêng liêng nào để bảo vệ cả – bao giờ cũng đạt được nội dung ngày càng phong phú, trong khi đức hạnh, bị cột chặt với những tín điều, lúc nào cũng ở trong nguy cơ bị thương tổn.
388. Đức hạnh không thể dùng “cái Thiện-tự mình” (vốn tiềm ẩn trong dòng đời) để mưu mô đánh úp dòng đời, vì dòng đời luôn tỉnh táo, cảnh giác. Cái Thiện-tự mình (dưới dạng tiềm lực) là cái gì đức hạnh không dám vi phạm, hoặc thiếu mọi tính hiện thực không khác gì những năng khiếu, năng lực... khi chưa được sử dụng. Do đó, cái Thiện-tự mình của đức hạnh không gì khác hơn là ý thức tự cho rằng mình đứng cao hơn ở hàng sau bản tính hiện thực của con người.
389. Đức hạnh bị dòng đời đánh bại vì đức hạnh hướng đến mục đích phi lý là tiêu trừ **tính cá nhân vốn là nguyên tắc của hiện thực**. Do đó, lý tưởng của đức hạnh “vô tư”, “vô vị lợi” đứng trước tình thế: hoặc mãi mãi là một ngôn từ trống rỗng, hoặc nó phải đạt tới hiện thực bằng cách chấp nhận những con người hiện thực với những lợi ích vị kỷ của họ.
390. Vì thế, khi đứng đối lập lại với dòng đời, đức hạnh chỉ là lời hiệu triệu to tát nhưng rỗng tuếch: “nó nâng cao trái tim nhưng làm rỗng trí óc, nó kích động tâm hồn [theo kiểu khuyến thiện] nhưng chẳng kiến tạo được gì” và rút cục chỉ gây nên sự nhàm chán. Nó không giống với đức hạnh của thời cổ đại khi nó chấp nhận hiện thực đạo đức (của đời sống xã hội) và chỉ tìm cách cải thiện hiện thực này.
391. Với sự nhàm chán, con người vứt bỏ lý tưởng của một thứ đức hạnh muốn xóa bỏ tính cá nhân và lợi ích, tức muốn xóa bỏ những gì thiết yếu cho việc hiện thực hóa trong thực tiễn.
392. Cùng một tiến trình vận động như thế, dòng đời cũng đi đến chỗ tiêu biến đi. Lợi ích vị kỷ không xấu xa như mới thoạt nhìn: khi hiện thực hóa cá nhân mình, con người đồng thời hiện thực hóa những **mục tiêu phổ biến**.
393. Mục tiêu **phổ biến** của đời sống tự-giác **không thể tách rời** với những hành vi và mục tiêu riêng tư, vị kỷ của những cá nhân, nếu không muốn mãi mãi là cái phổ biến trừu tượng, không có sự hiện hữu, không được thực thi.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§347-393)

7.4. BƯỚC ĐI ĐẦU TIÊN VÀO “THẾ GIỚI ĐẠO ĐỨC” (SITTlichkeit) HAY VIỆC HIỆN THỰC HÓA CỦA TỰ-Ý THỨC

Cuộc hành trình quan sát Tự nhiên đã được vượt qua. Tuy gặp nhiều bước thăng trầm và chưa thực sự tìm thấy chính mình trong tính quy luật còn nhiều bất tất, Tự-ý thức đã thu hoạch được điều cốt yếu: nó thấy sự thống nhất của nó với tính đối tượng khách quan của thế giới đã được xác nhận. Chỉ có điều: đó mới là phương diện thuần túy lý thuyết. Nó chưa đi vào **hành động** để khẳng định sự thống nhất ấy. Vì thế, bây giờ, **lý tính-quan sát** chuyển sang **lý tính-hành động** nhằm tự hiện thực hóa chính mình: “Vấn đề bây giờ là phải nâng sự xác tín này lên thành chân lý; điều mà đối với Tự-ý thức mới có giá trị một cách **tự-mình** và ở trong sự xác tín **bên trong** phải đi vào trong ý thức của nó và trở thành **cho-mình** [một cách mình nhiên] (§347).

Sự xác tín **trực tiếp** rằng mình là “tất cả thực tại” nay mang hình thức của một cái gì đã bị vượt bỏ, nghĩa là: khi lý tính quan sát đã thâm nhập vào giới Tự nhiên thì đối tượng trực tiếp đã mất đi tính trực tiếp của nó, vì nó đã được trải nghiệm như là khái niệm sống động. Đối tượng đã được “vượt bỏ” về cả hai mặt:

- nó không còn giữ được yêu sách là thể hiện cái tồn tại đúng thật
- nó được “bảo lưu” như là giai đoạn quá độ của nhận thức

Bây giờ, Hegel sử dụng trở lại ý tưởng về **sự nhân đôi của Tự-ý thức** (§348). Ta nhớ lại: trong tiết về “**làm Chủ và làm Nô**” (§§178-198), ta đã thấy Tự-ý thức **thứ hai** hướng đến tính đối tượng khách quan nên đối lập lại với Tự-ý thức **thứ nhất** (là Tự-ý thức thuần túy, tự quy). Từ cuộc xung đột này đã phát sinh ý thức bất hạnh, và ý thức bất hạnh chỉ được giải quyết ở cấp độ Tinh thần: “Sự trở về chân thực của ý thức vào trong chính nó, hay sự **hòa giải của nó với chính nó** sẽ thể hiện **khái niệm về Tinh thần** đã trở thành Tinh thần sống động...” (§207).

Bây giờ, với tư cách là **Tinh thần**, Tự-ý thức mới thực sự bước vào một cấp độ mới: sự thống nhất của Tự-ý thức đối diện với Tự-ý thức của **một cá nhân khác** (ta nhớ rằng một số nhà chú giải đã cho rằng cấp độ này đã đạt được ở tiết “làm Chủ và làm Nô”, còn cách chú giải khác cho rằng chỉ bây giờ mới có sự tương tác thực sự của các cá nhân trong môi trường chính trị-xã hội. Xem lại: Chú giải dẫn nhập: 6.2.2).

Sơ đồ Chủ/Nô trước đây bây giờ được đặt vào cho mối quan hệ Cá nhân/“quốc gia dân tộc” (Individuum/Volk) và qua đó mở ra lãnh vực mới mẻ: trật tự hay thế giới **đạo đức (Sittlichkeit)**⁽¹⁾. Thế giới hay trật tự đạo đức (xã hội) mới thực

⁽¹⁾ Như đã có chú thích, chúng tôi tạm dùng chữ “**trật tự hay thế giới đạo đức**” để dịch chữ “**Sittlichkeit**” (Sitte: nghĩa đen là những “tập tục”, “lễ thói” xã hội) và

sự cần đến một không gian trong đó nhiều con người cá nhân có thể quan hệ và xử sự với nhau.

Hegel dùng những lời rất trừu tượng, khó hiểu để giới thiệu khái niệm “**trật tự đạo đức**” (*Sittlichkeit*) hay “**lý tính hành động**” (*tätige Vernunft*):

... “[nó] là một Tự-ý thức **phổ biến** tự-mình, tồn tại một cách hiện thực trong một ý thức **khác**, khiến cho ý thức khác này có được sự độc lập-tự chủ hoàn toàn, hay là được xem như một “Sự vật” cho Tự-ý thức phổ biến; và Tự-ý thức phổ biến nhận rõ trong sự độc lập-tự chủ này sự thống nhất của mình với cái khác theo kiểu nó chỉ là Tự-ý thức một khi có sự thống nhất như vậy với cái bản chất mang tính đối tượng khách quan này” (§349).

Cố gắng thử “giải mã” câu nói này, ta có nội dung giản dị hơn: Tự-ý thức của tôi sống trong sự xung đột căng thẳng giữa cái cá biệt và cái phổ biến. Nó phải giải quyết sự căng thẳng này trong Tự-ý thức khác và tìm thấy trong đó sự thống nhất của mình (sự thống nhất giữa cái Tôi cá biệt và cái Ta phổ biến). Tình hình cũng như thế đối với Tự-ý thức của người khác: Tự-ý thức này giải quyết sự xung đột ở trong Tự-ý thức của tôi và tìm thấy sự thống nhất của nó ở trong tôi. Hay nói giản dị hơn nữa: Tinh thần (lý tính hành động) và “vương quốc” hay thế giới đạo đức (xã hội) là ở trong Tự-ý thức (phổ biến) được thừa nhận lẫn nhau một cách tương hỗ của những cá nhân tự giác.

Hegel cho rằng việc hiện thực hóa cái lý tính tự giác này diễn ra trong đời sống của “**quốc gia-dân tộc**” (*Volk*) (§350). Chữ “*Volk*”, như đã chú thích ở các tiểu mục liên quan, có nội dung khá đặc thù. Tuy chúng tôi dịch là “quốc gia-dân tộc” nhưng mặt chủ yếu của nó không phải là “quốc gia” theo nghĩa hiện đại với lãnh thổ và chủ quyền mà là “**một đơn vị**”, “**một cộng đồng đạo đức**”, tức một thế giới trong đó trật tự đạo đức (tập tục, lễ luật xã hội) diễn ra.

Đặc điểm bản chất của một trật tự đạo đức là gì? Theo Hegel, đó là nơi mà **việc làm cá biệt** (hoạt động vị kỷ của cá nhân) và **việc làm phổ biến** (đời sống của cộng đồng) không tách rời nhau được:

“Lao động của cá nhân phục vụ cho những nhu cầu của riêng mình đồng thời là một sự thỏa mãn nhu cầu của những người khác cũng như của chính mình; và cá nhân chỉ đạt được sự thỏa mãn những nhu cầu của mình là thông qua lao động của những người khác. Giống như cá nhân – trong lao động riêng lẻ – đã thực hiện một cách **vô thức** một lao động phổ biến, cá nhân ấy cũng lại thực hiện lao động phổ biến như đối tượng **có ý thức** của mình. Cái toàn bộ trở thành sự nghiệp (*Werk*) của cá nhân trong tính toàn bộ của nó; cái toàn bộ mà vì nó, cá nhân hy sinh chính mình và cũng qua đó, nhận lại được chính mình từ cái toàn bộ ấy. Ở đây không có điều gì là không có tính tương hỗ với nhau”... (§351).

Nói cách khác, trong “quốc gia-dân tộc”, cá nhân đạt được sự quy định hay vận mệnh (*Bestimmung*) của mình như là thực thể [vừa] phổ biến [vừa] cá

dành chữ “**luân lý**” để dịch chữ “**Moralität**” (hay *Moral*) chỉ hành vi ý chí xuất phát từ lý tính **chủ quan** của cá nhân. (Xem thêm: Chú giải: 8.2.1).

biệt. Mà như thế có nghĩa là **“hạnh phúc” (Glück)**. **Khởi điểm** của Tự-ý thức (cá nhân) là hạnh phúc nhưng đồng thời cũng là **mục tiêu**, vì việc hiện thực hóa niềm hạnh phúc ấy chưa phải đã kết thúc. Giữa **khởi điểm** và **mục tiêu** trong việc đi tìm hạnh phúc trong đời sống cộng đồng, Tự-ý thức còn tiếp tục nếm trải nhiều kinh nghiệm cay đắng và phong phú như sẽ diễn ra tiếp theo đây.

7.4.1. Hưởng thụ cuộc đời hay: “Khoái lạc và tất yếu” (§§360-366)

Ở đây mở ra hai con đường hay hai kinh nghiệm của Tự-ý thức khiến ta nhớ đến hình tượng Chủ và Nô trước đây.

Con đường hay kinh nghiệm **thứ nhất** là sự tự-hiện thực hóa cá nhân mà không chịu bất kỳ sự ràng buộc nào. Cá nhân đi tìm hạnh phúc, hay đúng hơn, thụ hưởng hạnh phúc có sẵn như “hái những trái cây chín mọng” (§361) với tư cách là cá nhân hoàn toàn riêng lẻ: “nó lao mình vào cuộc đời và thực hiện đến cùng tính cá nhân thuần túy như nó đang xuất hiện” (nt) giống như hình tượng của **Faust** trong vở kịch cùng tên của **J. W. Goethe**. Hưởng lạc bây giờ là xóa bỏ **hình thức** của cái tồn tại-khác hơn là “tiêu thụ” nó như bản năng sinh tồn trước đây ở cấp độ sơ khai của Tự-ý thức (§167 và tiếp) nên vừa có nghĩa “tiêu dùng” sản phẩm vừa có nghĩa hưởng lạc nhục thể. Hiện thực hóa sự tự do của cá nhân bằng sự hưởng lạc có lẽ không phải là “hình thái ý thức” xa lạ gì với chúng ta ở thời đại ngày nay: tiêu dùng, hưởng thụ, và không sáng tạo – dưới chiêu bài của sự tự do – sẽ nhất định dẫn đến những mâu thuẫn và bế tắc.

Hegel gọi đó là **“hình thái nghèo nàn nhất của Tinh thần đang tự hiện thực hóa”** (§363) vì nó sẽ phải đương đầu với **sự tất yếu** mà thoát đầu nó không ý thức được lý do và cách giải quyết. Sự tất yếu thể hiện ở nhiều dạng:

- sự tất yếu mù quáng thúc đẩy con người luôn phải tìm những đối tượng mới của khoái lạc trong một chuỗi dài vô tận của cảm giác thất bại, nản lòng.
- sự tất yếu mù quáng của cái chết như là sự kết thúc đột ngột và toàn diện (tất nhiên không phải khoái lạc dẫn đến cái chết, hay có thể tránh cái chết bằng cách từ bỏ khoái lạc, mà là cái chết vô nghĩa, không được “trung giới” để thành một cái gì cao hơn nó).
- giống như lòng tự cao tự đại cần có một cái gì làm “chuẩn” để thấy mình đứng cao hơn nó, thì sự ham muốn hay hưởng thụ cũng thế. Cá nhân riêng lẻ dần dần nhận ra rằng nó cần có “trật tự đạo đức-xã hội” (Sittlichkeit) như là rào chắn cho sự “hoang dã” vô độ của mình. Hegel bảo: “Bản thân việc hiện thực hóa mục đích [sử dụng tất cả cho sự hưởng lạc của mình] là sự thủ tiêu [hay vượt bỏ] chính mục đích ấy” (§362), vì cá nhân đi đến chỗ ý thức rằng sự thống nhất với đối tượng của sự hưởng lạc sẽ kéo cá nhân ra khỏi tính cá biệt và hướng nó đến tính phổ biến (so sánh với Chủ cần bóc lột Nô để hưởng thụ và qua đó đánh mất tính cá biệt của mình!).

Kết quả: sự [có mặt] tất yếu của người khác, sự tất yếu của cộng đồng xã hội

ắt phải được cá nhân hưởng lạc trải nghiệm như là “một sự tất yếu trống rỗng và xa lạ, như là một hiện thực **chết cứng**” (§363).

Chỉ đến khi có sự phản tư của ý thức rằng bản thân mình cũng chính là **sự tất yếu** (§366) thì cái Tôi cá biệt mới tỏ ra là cái Tôi phổ biến và chuyển sang một hình thái mới, hay, đi vào con đường **thứ hai** của sự hiện thực hóa.

7.4.2. “**Thế thiên hành đạo**” hay “**Quy luật của trái tim và sự điên rồ của việc tự phụ**” (§§367-380):

Hình thái mới này không cam chịu sự tất yếu mà muốn là bản thân sự tất yếu. Cá nhân bây giờ không thấy mình được khẳng định bằng sự ham muốn và hưởng lạc nữa mà ở trong việc cải biến thế giới. **Thuyết vị kỷ ngây thơ chuyển thành thuyết vị tha tự phát** khiến liên tưởng đến tư tưởng của **J. J. Rousseau** và hình tượng nhân vật **Karl Moor** trong vở kịch “**Những tướng cướp**” của **F. Schiller**. Hegel gọi đây là “**quy luật của trái tim**”, vì cá nhân “biết rằng mình có cái phổ biến hay có quy luật ở trong chính mình một cách trực tiếp” (§367). Bây giờ, cá nhân muốn hiện thực hóa quy luật ấy của trái tim mình ở trong thế giới. Ch. Taylor lý giải theo tinh thần của Rousseau: “Trong hình thái này, con người [cá nhân] tin vào cái Thiện của những tình cảm tự phát của mình. Hắn đứng trước một thế giới đầy rẫy khổ đau và bất công. Điều này phải quy lỗi cho những sự hạn chế sai lầm và không thể biện minh được do xã hội hay nền văn minh áp đặt lên con người, vì con người là **tính bản thiện**. Giải pháp là ở chỗ giải phóng con người ra khỏi những sự giới hạn ấy, đưa họ trở về lại với những gì đích thực là họ để hiện thực hóa quy luật của trái tim ở trong thế giới” (1983: 224).

Nhưng, với tư cách là cá nhân riêng lẻ, ý đồ và kế hoạch tốt đẹp này của cá nhân nhất định sẽ vấp phải những mâu thuẫn nan giải, thậm chí sẽ đẩy cá nhân vào trạng thái dẫn vật triển miên đến mức “điên loạn” như một căn bệnh tâm thần:

- Thế giới giả thử được thiết lập theo xúc cảm của “trái tim tôi” ắt không thực sự có tính phổ biến. Nó chỉ là sản phẩm của ý chí, nỗ lực của riêng tôi, được tôi phóng chiếu vào cái phổ biến một cách chủ quan, thiếu phê phán. “Trái tim” của người khác không nhất thiết thấy chính họ trong quy luật của trái tim tôi. “Thế thiên hành đạo” theo kiểu ấy không dẫn đến sự thống nhất, hòa giải mà chỉ tạo ra cuộc đấu tranh mê muội giữa những cá nhân với nhau mà thôi.

- Một khi “quy luật của trái tim” được hiện thực hóa, nó không còn là nguyện vọng cá nhân mà thành trật tự phổ biến. Cá nhân sẽ không còn nhận ra chính mình trong cái phổ biến này nữa, cho dù nó phản ánh đúng nội dung của quy luật cá nhân trước đây! Cái phổ biến đích thực và hiện thực bao giờ cũng gắn liền với những giới hạn, kỷ luật... khiến cho về nguyên tắc, quy luật của trái tim không bao giờ thành công trong việc cải tạo thế giới theo ý mình: thành quả của mình trở thành xa lạ, thậm chí thù địch như là một hình thái khác cũng đầy những giới hạn, áp bức không khác gì hiện thực mà mình đã đứng lên chống lại. Kết quả đi ngược lại với ý đồ và đây là lần đầu tiên Hegel dùng chữ “**tha hóa**” (*entfremden*: **trở thành xa lạ**) mà ông sẽ bàn kỹ

hơn ở chương sau. Ở đây, “tha hóa” có nghĩa: tính cá nhân tiêu vong (trở thành xa lạ với chính mình), vì nó có cao vọng muốn là cái phổ biến. Cái bản chất (cá nhân) và cái bản chất được hiện thực hóa mâu thuẫn với nhau.

Sự dầy vò dẫn đến sự điên rồ là một sự thật rất ấn tượng và có thể dễ dàng kiểm chứng ở trong lịch sử qua hình tượng điển hình của những nhà độc tài duy ý chí lẫn của những nạn nhân của họ!: “trước mặt là sự lâm than hiện thực của xã hội, trong tim là viễn ảnh của một sự cải thiện thế giới, còn sau lưng là sự rên xiết của bao nạn nhân do quy luật của trái tim mình gây ra” (R. Ludwig, 1993: 143).

Tóm lại, “quy luật của trái tim thất bại và nhà cách mạng không chịu nhận lỗi mà sẽ đổ lỗi cho quần chúng đã không hiểu được lòng mình”! (nt).

7.4.3. Chiến đấu chống lại cuộc đời ô trọc kiểu Don Quichotte hay: “Đức hạnh và dòng đời” (§§381-393)

Thất bại này lại dẫn cá nhân đến một lựa chọn khác: thay vì thực hiện “**quy luật của trái tim riêng lẻ**” thì bây giờ thử hiện thực hóa “quy luật của **mọi** trái tim”. Con đường này mở ra một sự **đào hóa** biện chứng. Nếu trật tự thế giới là quy luật của **mọi** trái tim, thì trật tự ấy được xem như có tiềm năng để thể hiện cái phổ biến. Với cách nhìn nhận này, một trang mới được lật qua: phải loại trừ “chủ nghĩa cá nhân”. Thay vì hy vọng cải thiện thế giới bằng quy luật riêng của cá nhân, vấn đề bây giờ là phải thanh lọc dòng đời ô trọc bằng cách loại bỏ, diệt trừ hết mọi dấu vết của mưu đồ vị kỷ ra khỏi hành vi của con người!

Thái độ hay hình thái ý thức này được Hegel gọi là nỗ lực thực hiện “**đức hạnh**” (**Tugend**). Nhưng, ông nhấn mạnh, đây không phải là “đức hạnh” hiểu theo nghĩa của thời cổ đại (Hy Lạp) là sống phù hợp với tập tục của cộng đồng khi lợi ích của cộng đồng và của cá nhân còn trùng hợp, hài hòa với nhau (§390). Ở đây, là một thứ “**đức hạnh cá nhân**” đặt cơ sở trên sự tự chối bỏ chính mình hay một thứ “**đức hạnh chính trị**” sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, “quên mình” đi để đối lập lại với “**dòng đời**” (**Weltlauf**) là kiểu sống ích kỷ, không chịu hy sinh bản thân, theo đuổi những tính toán và lợi ích vị kỷ sau lưng “Nhà nước” (hiểu như định chế xã hội, cộng đồng). Nói khác đi, “**dòng đời**” là hiện thân cho những cá nhân hành động trên sân khấu ô trọc của hiện thực chính trị-xã hội, còn “**đức hạnh**” thì không nhìn thấy cái Thiện ở trong thế giới mà chỉ thấy nó ở trong ý thức đức hạnh của cá nhân mình. Nó chỉ là mặt trái của hình thái “thể thiên hành đạo” theo “quy luật của trái tim” trước đây mà thôi.

Ta không ngạc nhiên trước kết quả bất lợi nghiêng về phía “đức hạnh” trong cuộc đấu tranh vô vọng chống lại “dòng đời”: nỗ lực đè nén tính cá nhân đặc thù sẽ nhất định phải thất bại vì lý do đơn giản: cái phổ biến chỉ có thể được hiện thực hóa **ở trong và thông qua** hành động của những cá nhân riêng lẻ; và con người, khi hành động, không thể thoát ly khỏi những nhu cầu và ước nguyện cá nhân. Phải nhận điều ấy có nghĩa là: không làm gì cả và bất lực. Càng không ngạc nhiên khi “dòng đời” dễ dàng đánh bại “tính phổ biến trừu tượng” ấy, vì nó chống lại một kẻ địch không thực tồn, chống lại

một chàng Don Quichotte bất lực, được Hegel mệnh danh là “chàng hiệp sĩ của đức hạnh” chỉ biết lo “giữ lưỡi gươm của mình được sạch bóng, không vấy máu và cũng không dám làm tổn thương đối phương vì như thế là trái với “đức hạnh” (§386). Kinh nghiệm quý báu rút ra ở đây là: “dòng đời” thật ra không xấu xa như mới thoát nhìn, vì **lợi ích vị kỷ cũng có thể phục vụ, hay thậm chí, là điều kiện để phục vụ cho cái Thiện phổ biến**. Không cần là môn đệ của Adam Smith, ai cũng dễ thấy rằng một liên minh thuần túy vị kỷ của những cá nhân (hội đoàn, công ty...) chỉ nhằm chia sẻ và cân đối lợi ích có thể mang lại ích lợi chung nào đó cho toàn xã hội. (Thậm chí, kẻ ích kỷ nhất cũng phải tán thành các chính sách phúc lợi xã hội để hạn chế tội phạm và giữ vững ổn định xã hội!).

Ở đây, Hegel tỏ ra rất sâu sắc khi phản đối một thứ triết học “nhị nguyên” tuyệt đối hóa “thiện ác, chính tà” để hướng đến một triết học của sự hiện thực hóa cá nhân có **sự trung giới** của tính đặc thù và tính phổ biến. Nói cách khác, cái phổ biến chỉ có thể trở thành hiện thực thông qua những hành vi tự hiện thực hóa của cá nhân. Bước phát triển biện chứng tiếp theo sẽ là hình thái của Tự-ý thức có nhận thức sâu sắc về cái phổ biến trong hành động của mình, chứ không dừng lại ở “những lời hiệu triệu to tát... chứa đầy những điều tự hào rỗng tuếch... nâng cao trái tim nhưng làm rỗng trí óc; kích động tâm hồn theo kiểu khuyến thiện nhưng chẳng kiến tạo được gì”... (§390).